



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cấp nước Nhơn Trạch

Ngày 31/12/2024	18,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.2%	5.9%	13.3%

DT thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN thuần Q4/24
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/24
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2024
7.3%
YoY: +/-▲ 0.1%

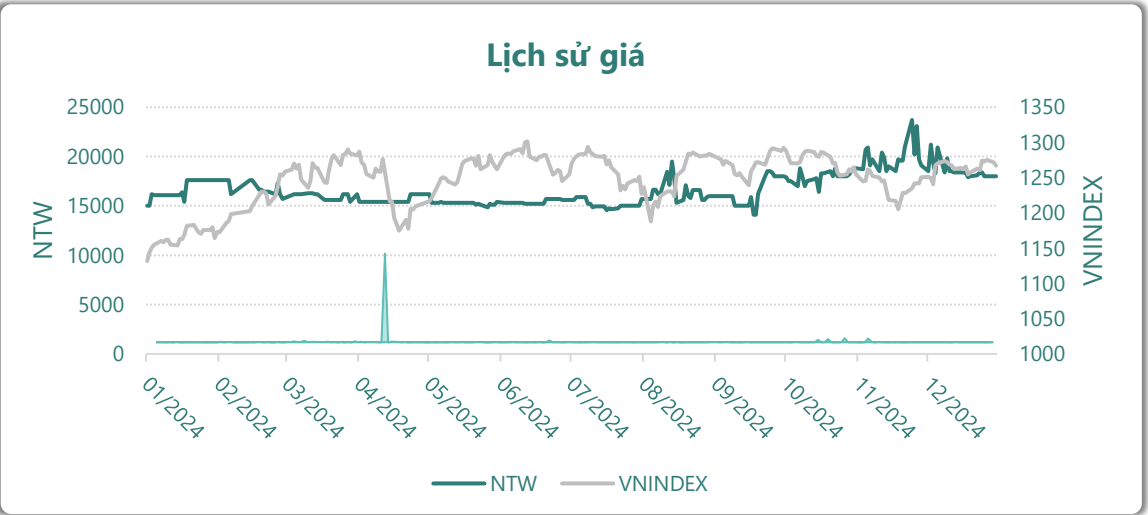
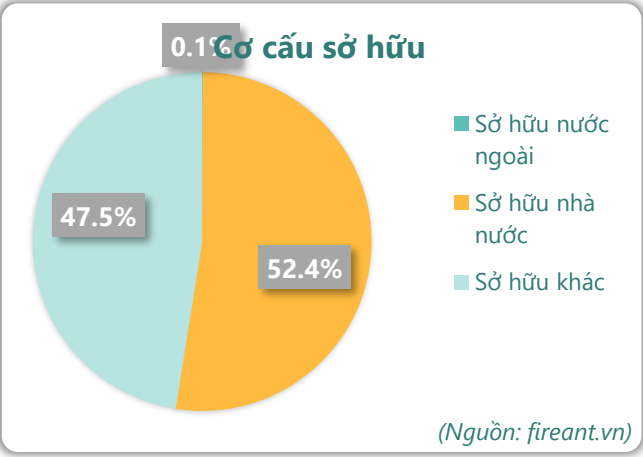
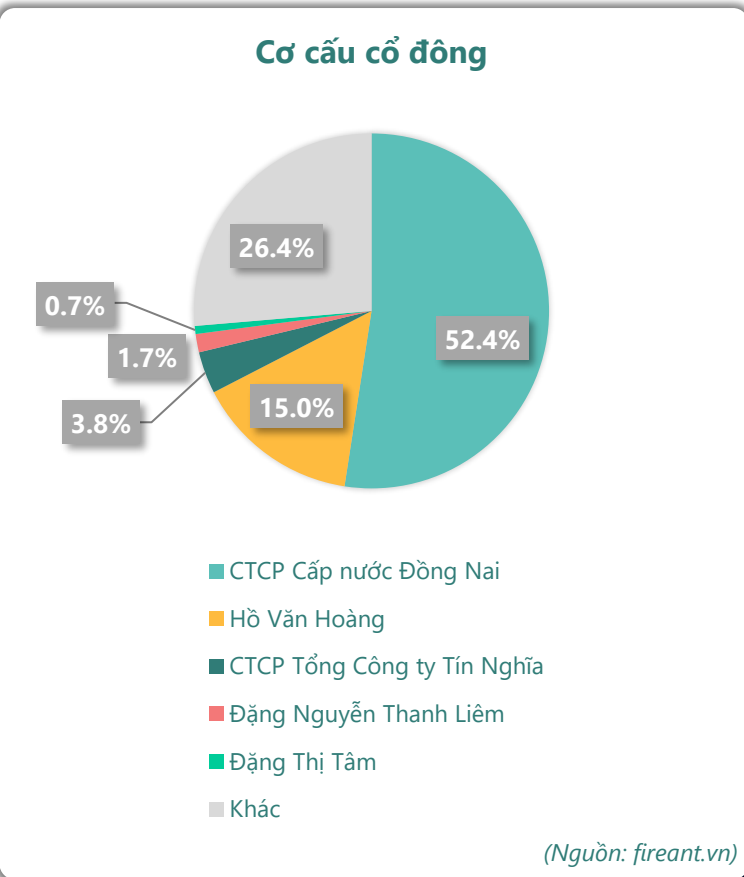
ROE 2024
6.3%
YoY: +/-▲ 0.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	14,100 - 23,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	180
Số lượng CPLH (CP)	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	800
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	(0.47)
EPS	
P/E	

DT thuần 2024
167
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.0 13.2%

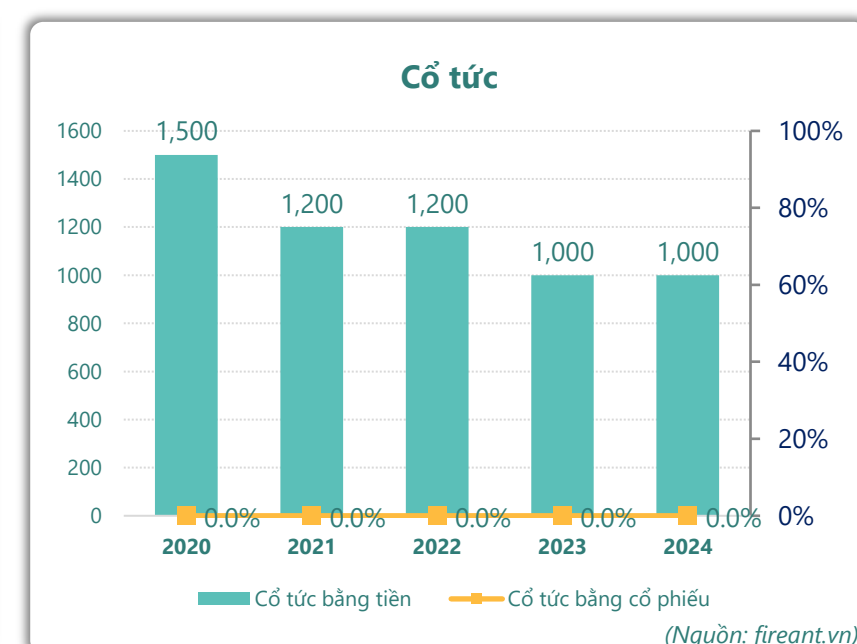
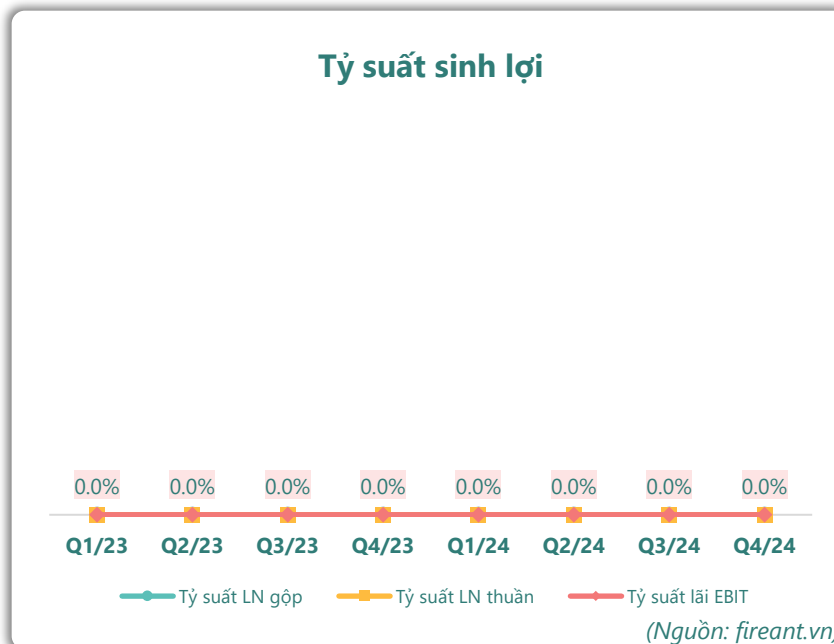
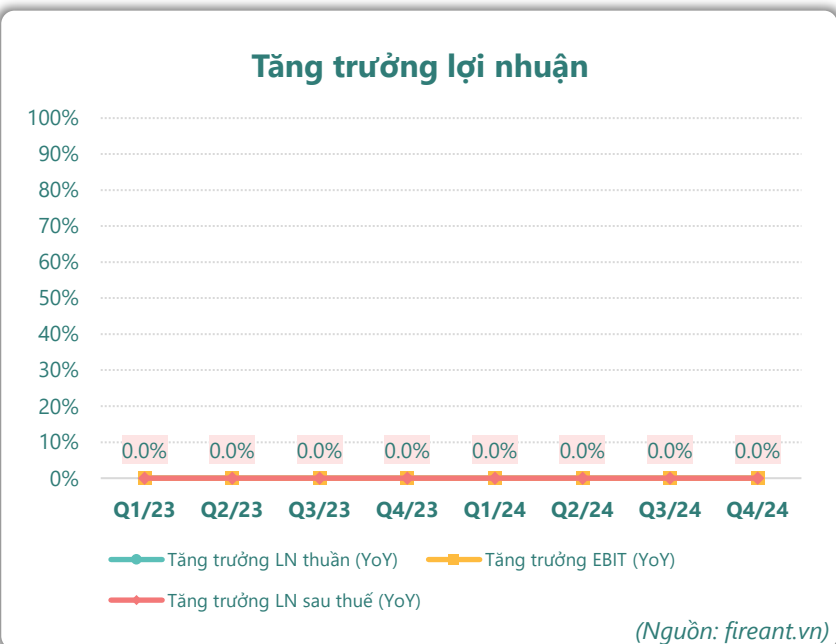
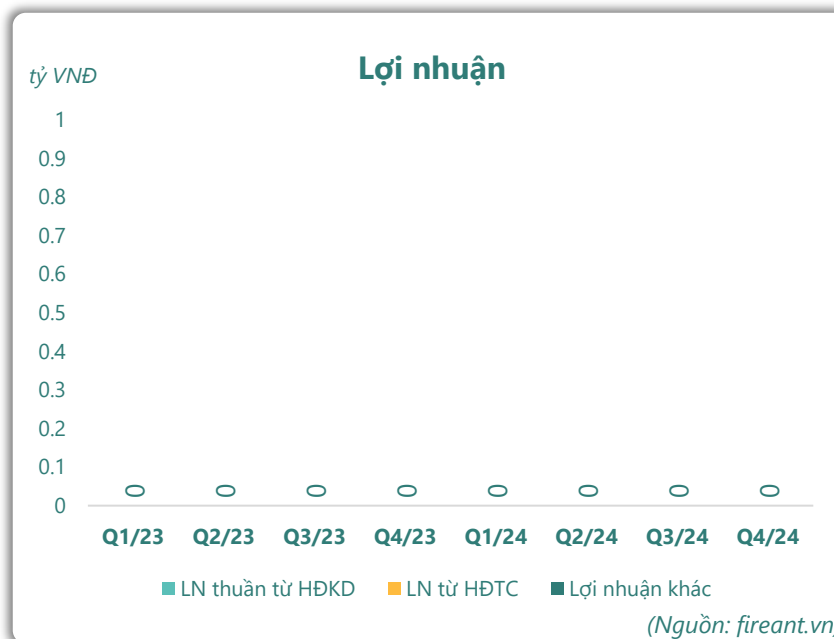
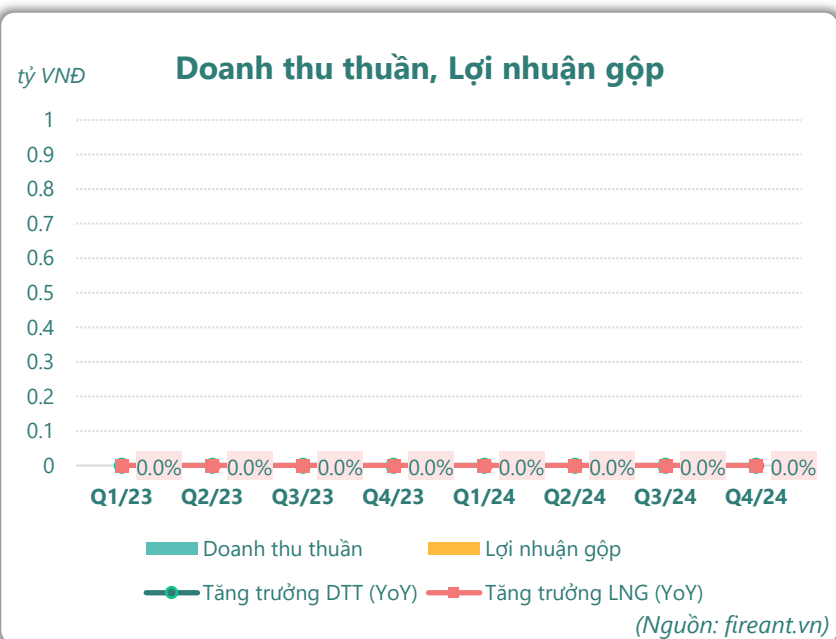
LN thuần 2024
12.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20 10.8%

LN sau thuế 2024
10.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.49 16.4%





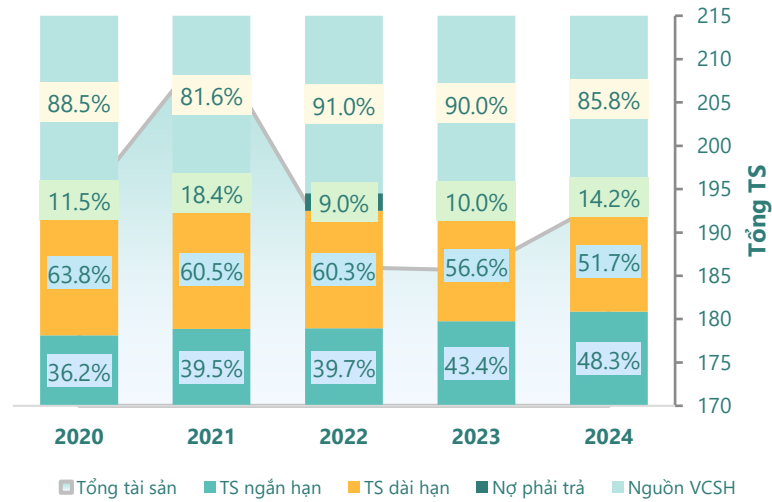
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

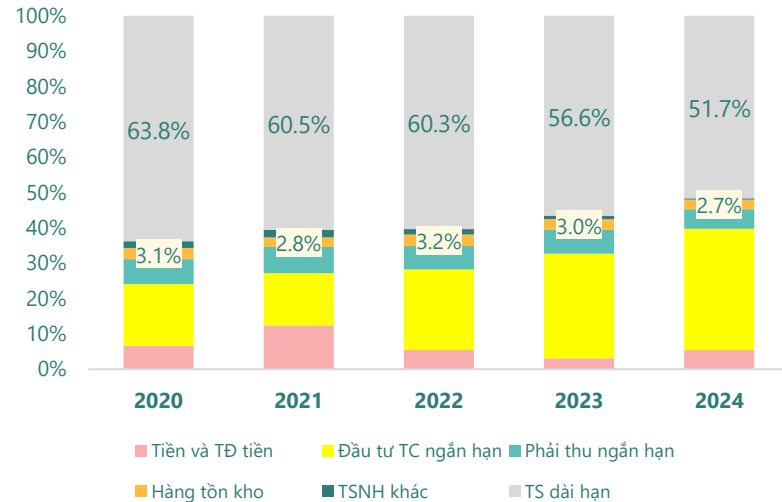
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

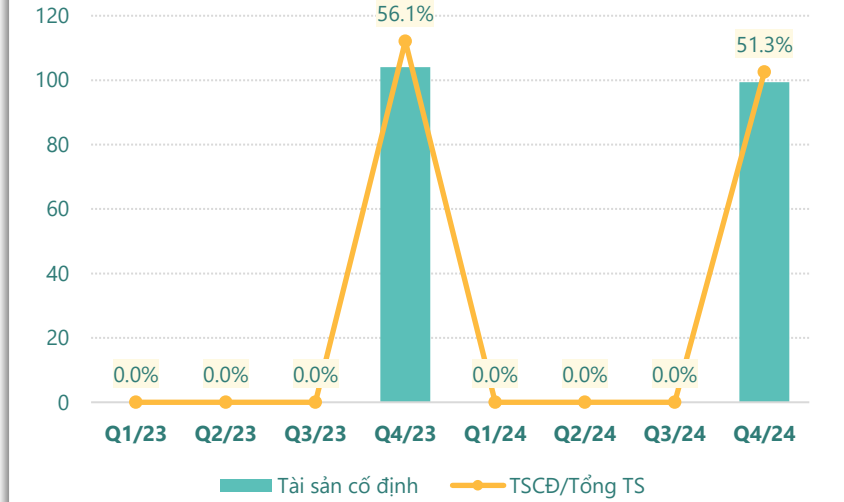
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

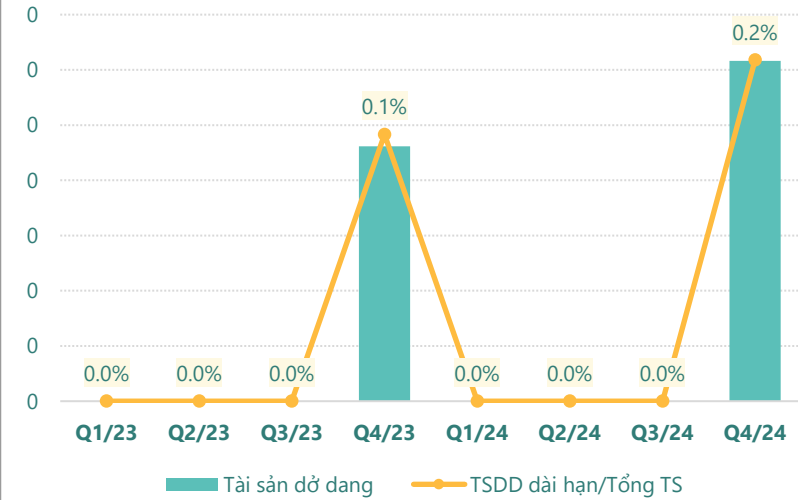
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

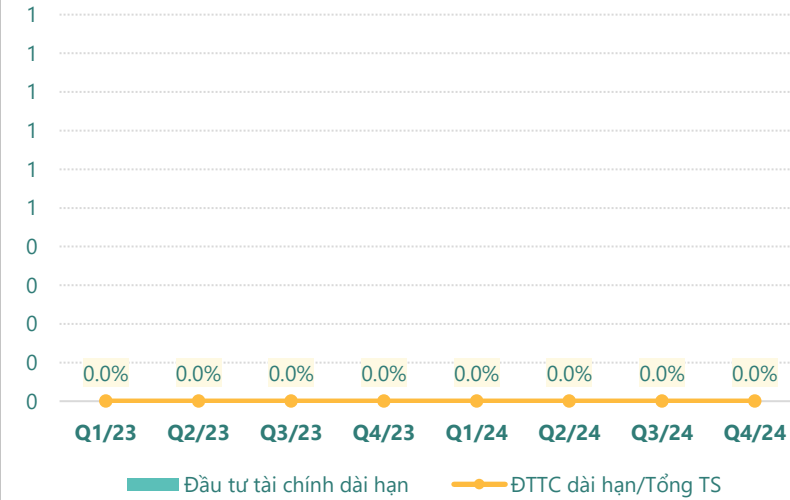
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

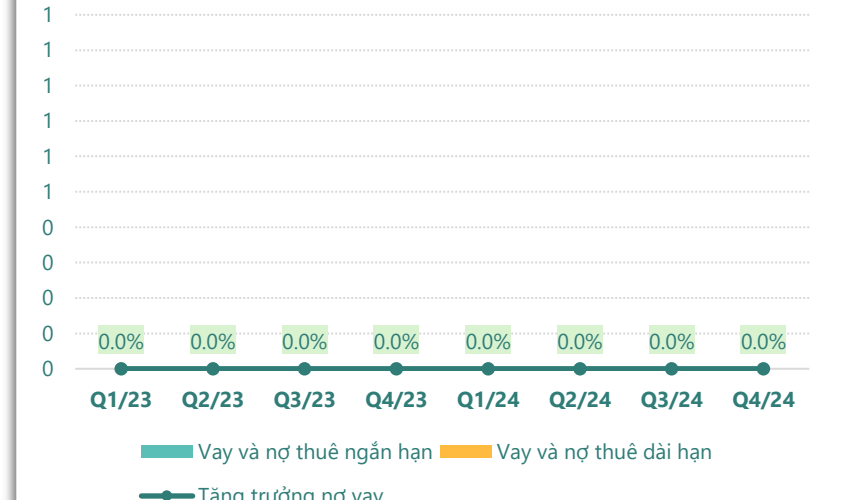
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

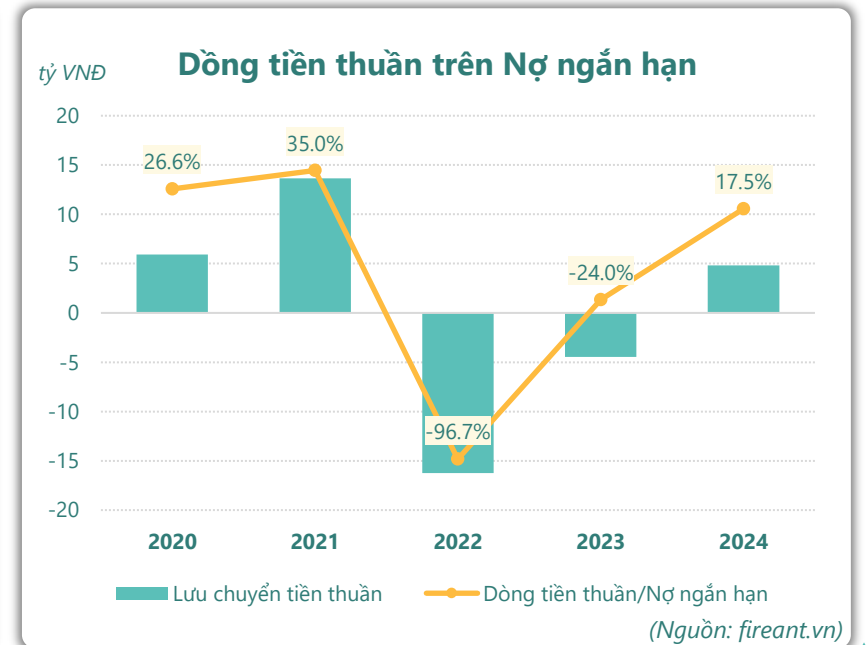
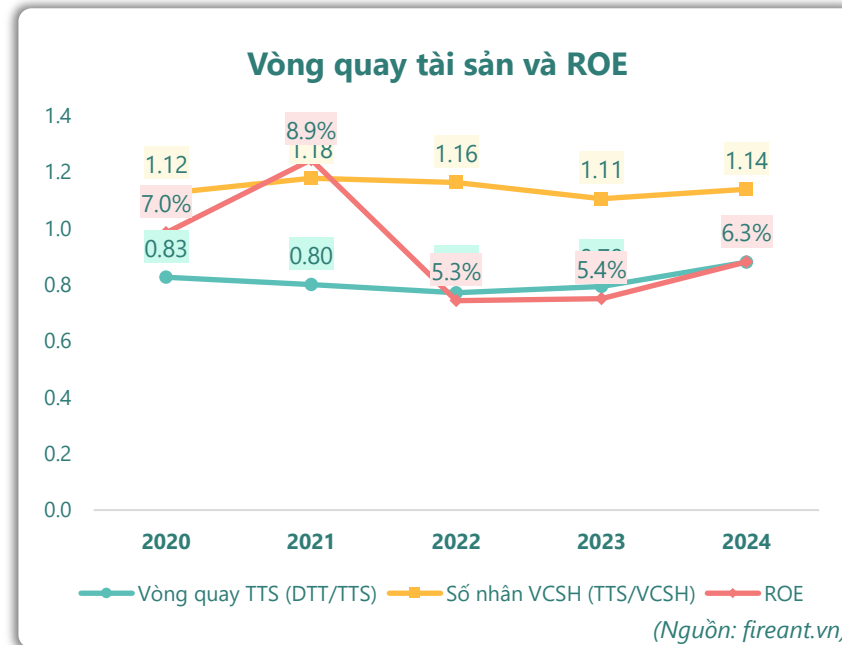
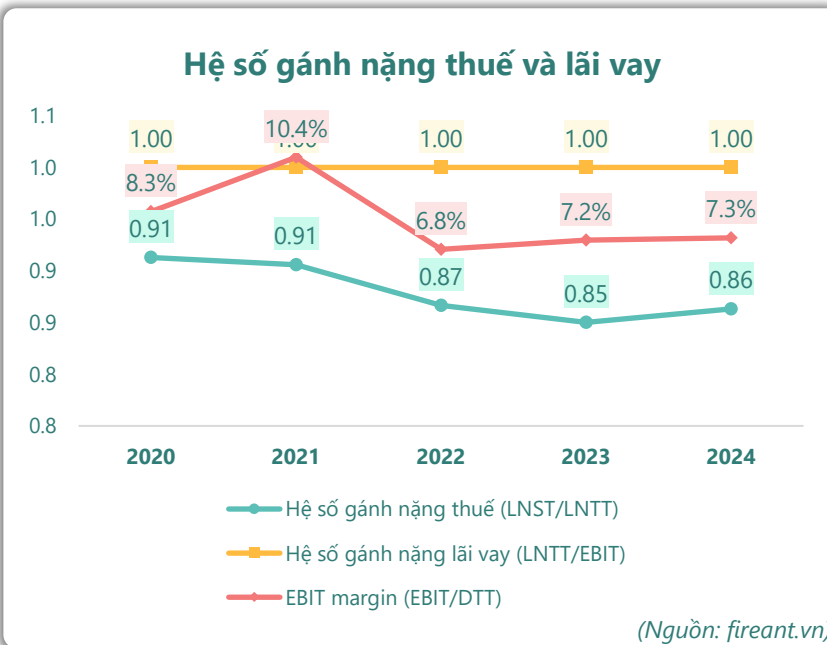
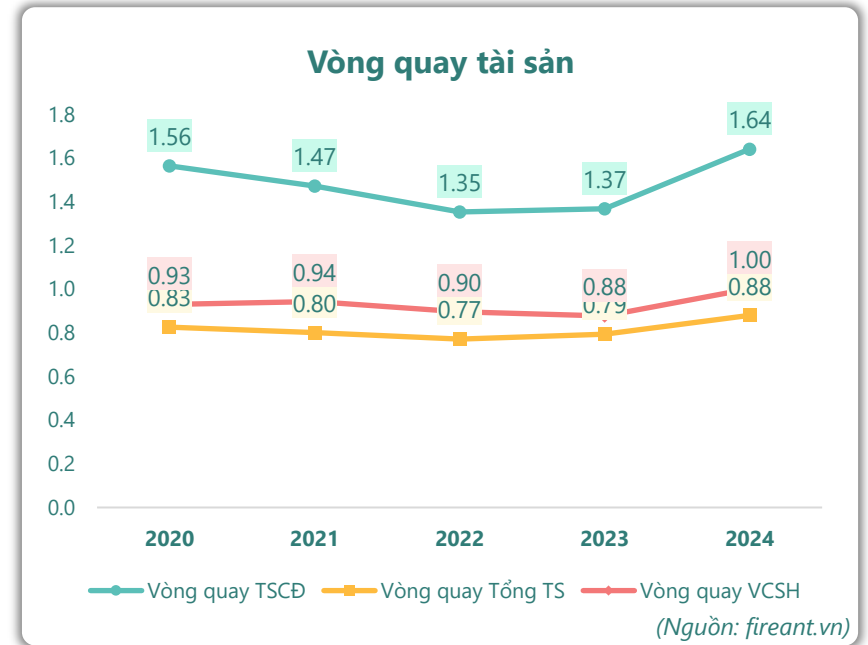
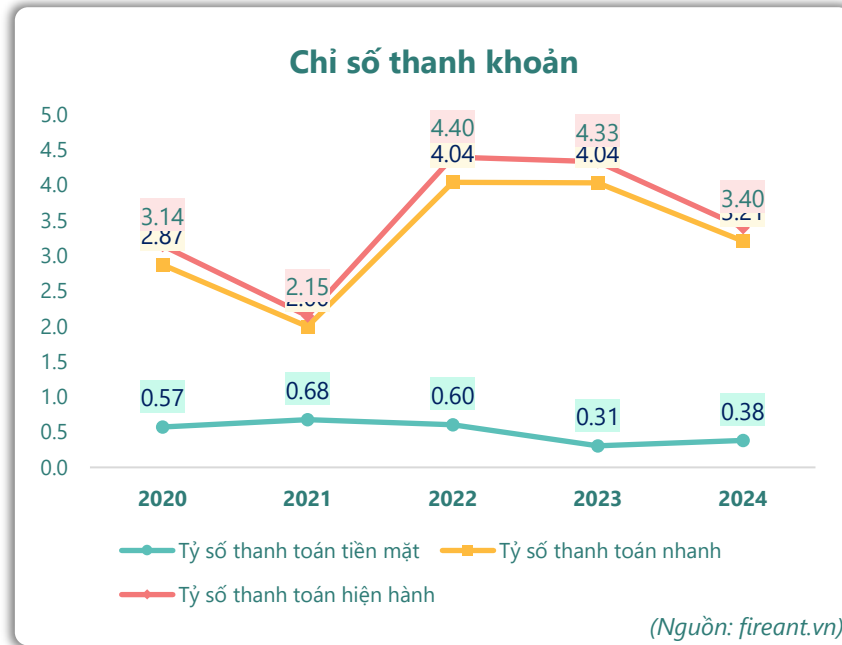
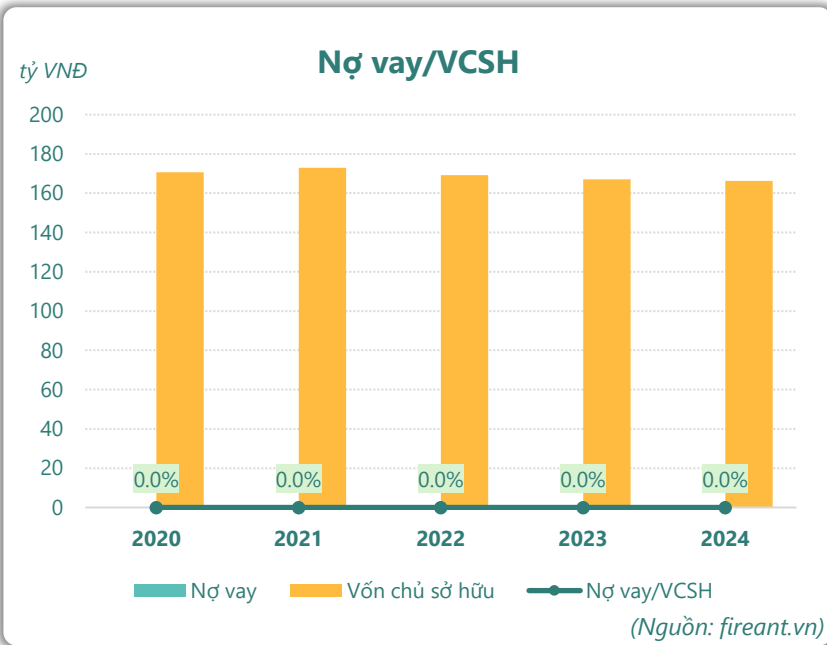
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				167	148	13.2%
Giá vốn hàng bán				142	130	9.2%
Lợi nhuận gộp				25.3	17.8	42.3%
Doanh thu HĐTC				2.51	3.98	-37.0%
Chi phí TC				0	0	
Chi phí lãi vay				0	0	
LN trong công ty LKLD				0	0	
Chi phí bán hàng				4.69	3.78	24.3%
Chi phí QLDN				11.2	7.21	55.1%
LN thuần từ HĐKD				12.0	10.8	10.8%
Lợi nhuận khác				0.18	-0.20	191%
LN trước thuế				12.1	10.6	14.6%
Lợi nhuận sau thuế				10.5	9.01	16.4%
LNST của CĐ cty mẹ				10.5	9.01	16.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	194	186	4.5%
Tài sản ngắn hạn	93.7	80.6	16.2%
Tiền và tương đương tiền	10.5	5.69	84.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.5	55.0	20.9%
Phải thu ngắn hạn	10.7	12.5	-14.6%
Hàng tồn kho	5.26	5.53	-4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	1.89	-59.8%
Tài sản dài hạn	100	105	-4.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	99.4	104	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.31	0.23	33.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.47	0.71	-33.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	27.6	18.6	48.2%
Nợ ngắn hạn	27.6	18.6	48.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.0	13.0	31.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	166	167	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	166	167	-0.4%
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

